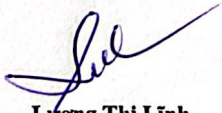


CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

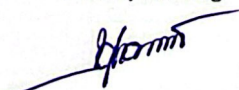
Ngày 18 tháng 04 năm 2025

STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
	Hôm trước chuyển sang				0
	Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày		20,000	432	8,640,000
	Được chi trong ngày				8,640,000
	Đã chi trong ngày				8,640,000
	2. Kho				1,173,300
	Ăn chính				1,173,300
1	Đường kính	Kg	30,000	0.4	12,000
2	Dầu ăn Simply 1L	Lít	61,000	0.4	24,400
3	Hạt nêm Aji-ngon	Kg	64,000	1	64,000
4	Gạo tẻ thơm	Kg	21,000	31.9	669,900
5	Nước mắm cốt cá cơm	Lít	40,000	1	40,000
6	Mì chính ajinomoto	Kg	75,000	1	75,000
7	Sữa bột Dielac Super Star	Kg	240,000	1.1	264,000
8	Bột canh vifon	Kg	24,000	1	24,000
	3. Di chợ				7,466,700
	Ăn chính				7,466,700
1	Bí ngô (bí đỏ)	Kg	22,000	25	550,000
2	Cà chua	Kg	20,000	5	100,000
3	Rau mùi tàu	Kg	30,000	0.3	9,000
4	Thịt bò loại I	Kg	295,000	8.2	2,419,000
5	Trứng vịt	Kg	65,000	33.2	2,158,000
6	Thịt lợn sẵn vai	Kg	132,000	3.9	514,800
7	Hành khô	Kg	50,000	0.25	12,500
8	Mì gạo	Kg	32,000	8.1	259,200
9	Hành lá	Kg	30,000	0.26	7,800
10	Xương đuôi	Kg	102,000	8	816,000
11	Thịt lợn móng sẵn	Kg	132,000	4.7	620,400
	Chi kho lũy kế từ đầu tháng				18,665,500
	Chi chợ lũy kế từ đầu tháng				93,474,500
	Suất ăn lũy kế từ đầu tháng			5,607	
	Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				112,140,000
	Đã chi lũy kế từ đầu tháng				112,140,000
	Chênh lệch cuối ngày				0

Kế toán


Lương Thị Linh

Phó hiệu trưởng


Nguyễn Thị Huyền Trang